TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 9 - 2024
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Quách Đình Hoằng
2. Bà Tô Thị Lành

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhớ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2024/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 về "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 67/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phan Đức D, sinh năm 1994
Địa chỉ: Khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Chị Trương Ngọc Thúy Q, sinh năm 1991
Địa chỉ: số 843, đường T, tổ 1, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 3 năm 2024, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Phan Đức D trình bày:

Anh và chị Trương Ngọc Thúy Q tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định vào ngày 17/8/2020. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, đã sống ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay. Hiện nay không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau, vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn

nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc nên không thể kéo dài cuộc sống chung với nhau được, do vậy anh yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trương Ngọc Thúy Q.

Về con chung: Anh và chị Q không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh và chị Q tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 24 tháng 4 năm 2024 bị đơn chị Trương Ngọc Thúy Q trình bày:

Chị có đăng ký kết hôn với anh Phan Đức D tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định vào ngày 17/8/2020, trong cuộc sống hôn nhân từ kết hôn cho đến nay vẫn bình thường, đầu năm 2024 chị nhận được giấy triệu tập của Toà án về việc anh D yêu cầu ly hôn, mặc dù sự việc như vậy chị chưa thoả thuận ly hôn vì chị và anh D còn một khoản nợ chung chưa được giải quyết. Chị yêu cầu Toà án chia đôi khoản nợ chung, cụ thể nợ của anh Phan Đức H 15.000.000 đồng, nợ của mẹ chị 24.300.000 đồng, nợ của Công ty tài chính TNHH MB S 53.560.000 đồng.

3. Toà án đã Thông báo cho chị Q cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu chia khoản nợ chung giữa chị và anh D và Thông báo đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng chị Q không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Toà án và vắng mặt không có lý do, nên không có ý kiến trình bày tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hoà giải và tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo, bị đơn chưa chấp hành và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Đức D được ly hôn với chị Trương Ngọc Thúy Q, về con chung: anh D và chị Q không có con chung nên không giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: anh D không yêu cầu nên không giải quyết. Anh D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn anh Phan Đức D yêu cầu ly hôn với chị Trương Ngọc Thúy Q, trú tại: số 843, đường T, tổ 1, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố

tụng dân sự, thì đây là vụ án về "Ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

[2] Nguyên đơn anh Phan Đức D vắng mặt tại phiên toà và có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt; bị đơn chị Trương Ngọc Thúy Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh D và chị Q.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Đức D và chị Trương Ngọc Thúy Q tự nguyện kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn hôn nhân theo anh D trình bày sau khi kết hôn thì giữa anh và chị Q đã bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vã, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, chị Q về nhà cha mẹ đẻ ở tỉnh Gia Lai sinh sống từ cuối năm 2023 cho đến nay, anh chị đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì chị Q từ đầu năm 2024 đã về nhà cha mẹ đẻ tại số 843, đường T, tổ 1, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai sinh sống, về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh D và chị Q thì địa phương không biết và không nghe báo. Bị đơn chị Q mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến để tham gia hòa giải, phiên tòa nhưng chị Q không đến, thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến việc tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng với anh D. Hội đồng xét xử xét thấy anh D và chị Q đã không còn chung sống với nhau, không ai quan tâm lo lắng, chăm sóc cho nhau, tình trạng hôn nhân giữa anh D và chị Q như vậy là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Anh D và chị Q không có con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24 tháng 4 năm 2024, chị Q có yêu cầu chia đôi nợ chung giữa chị và anh D nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ, Toà án đã Thông báo cho chị Q cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu này, tuy nhiên chị Q không thực hiện, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết yêu cầu này của chị Q.

[6] Về án phí: Anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Đức D.

Về hôn nhân: Anh Phan Đức D ly hôn với chị Trương Ngọc Thúy Q.

2. Về án phí: Anh Phan Đức D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001445 ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku. Anh Phan Đức D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- UBND phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thu